

DANH SÁCH HOÀN TIỀN CTKM TẠI HỆ THỐNG SIÊU THỊ BIG C ĐỢT 1 TỪ 18/05-14/07/2019

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	NGUYEN QUANG HUY	4271xxxx4106	161,700
2	NGUYEN THI TAM	5305xxxx4104	190,625
3	PHAM THI THOA	4286xxxx2101	83,245
4	LE THI THU HUONG	4271xxxx5103	100,914
5	LE MAI THIEU HOA	4111xxxx1122	303,937
6	NGUYEN QUOC HUNG	4271xxxx9114	268,235
7	DINH THI THUY QUYNH	4271xxxx7112	116,716
8	TRAN VINH PHUONG	4111xxxx2109	50,718
9	DO QUANG HUY	4111xxxx3104	100,000
10	NINH THI TY	4111xxxx0107	62,015
11	TRAN THI QUY PHUC	4111xxxx3100	63,806
12	PHAM THI BICH THUY	4271xxxx2100	105,171
13	TRAN THI NOI	4111xxxx6107	109,811
14	NGUYEN BICH HA	4111xxxx1118	125,017
15	NGUYEN THI SINH HUONG	4271xxxx8109	121,581
16	NGUYEN THI THU LAN	4286xxxx5102	53,355
17	NGO THI THU HIEN	4271xxxx3105	109,585
18	BUI THI XUAN	4111xxxx5106	109,405
19	HOANG THI MINH DIEP	4111xxxx5107	55,570
20	NGUYEN TIEN VIET	4111xxxx3108	85,157
21	HOANG THI THANH THUY	4286xxxx9107	60,076
22	NGUYEN NGOC SON	5305xxxx5108	271,122
23	PHAN TO NGOC CHAU	4111xxxx3300	52,454
24	DUONG THI PHONG LAN	5305xxxx6122	400,000
25	PHAN TUAN ANH	4271xxxx4115	116,898
26	NGUYEN QUYNH GIAO	4111xxxx0128	305,519
27	VU THI THUY	4111xxxx9107	115,854
28	DO THI XUAN HANH	4111xxxx5123	58,482
29	TRAN NGOC LONG	4111xxxx2114	81,572
30	NGO QUANG SAM	4271xxxx1103	102,464
31	TU THUY PHUONG	4286xxxx2108	100,000
32	NGUYEN DINH QUOC VIET	4271xxxx5106	148,928
33	VUONG QUOC THAI	4111xxxx9101	57,941
34	NGUYEN QUANG NHUT	4111xxxx2101	152,854
35	NGUYENTHIHUONGGIANG	4111xxxx5102	100,000
36	PHAN THI THANH LOAN	4286xxxx4102	130,891
37	HO MINH TAM	4111xxxx5105	130,495
38	HO VAN TIEN	4111xxxx3108	53,097
39	NGUYEN THI VIET HA	4111xxxx4115	100,000
40	NGUYEN THI VIET HA	4111xxxx4117	140,166
41	PHAM THI TUYET VAN	4286xxxx5105	124,448
42	TRAN THI LIEN HOAN	4111xxxx8114	50,816
43	PHAM THI THANH HA	4111xxxx8127	50,721

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
44	NGUYEN THI NGOC TUYEN	4286xxxx0100	107,460
45	NGUYEN THI XUAN THAO	4111xxxx5100	50,569
46	PHAM MINH HONG	4286xxxx1109	51,366
47	NGUYEN THI VIET HA	4271xxxx2106	130,510
48	LE HONG THUY	4111xxxx9109	365,783
49	DO HAI YEN	4111xxxx8107	53,102
50	TRAN NGOC TAM	4111xxxx1117	100,000
51	HA THI BACH YEN	4111xxxx3103	100,000
52	NGUYEN MINH GIANG	4271xxxx5100	375,385
53	DONG THI YEN	4271xxxx5100	109,550
54	NGUYEN THI KIM ANH	4286xxxx2103	50,119
55	NGUYEN BA DINH	4111xxxx2104	170,548
56	NGUYEN THI HA	4111xxxx6117	500,000
57	NGUYEN THI THU HA	4111xxxx8109	108,466
58	TA THU HIEN	4286xxxx7110	164,495
59	DAM MINH NGUYET	4111xxxx9103	53,335
60	VU THI KIM OANH	4111xxxx4103	100,000
61	HA THUC NGOC PHUONG	5305xxxx0111	151,754
62	TRAN HA QUANG	4111xxxx7103	100,000
63	TRAN THI PHUONG THAO	4286xxxx9101	50,877
64	VU DUC CHINH	4286xxxx9104	73,050
65	NGUYEN XUAN QUY	4111xxxx3103	100,000
66	VU KHANH HUYEN	4111xxxx2201	68,115
67	VU DINH GIANG	4111xxxx1105	57,888
68	LE VAN TAM	4111xxxx5106	97,486
69	VO NGUYEN THANH XUAN	4111xxxx8104	58,603
70	HA QUANG NGHIA	4111xxxx5105	70,000
71	NGO THI MINH THAO	4271xxxx8103	129,246
72	HOANG HONG THANH	4111xxxx7128	100,000
73	TRAN DOAN BICH TRAM	4111xxxx6204	90,202
74	NGUYEN THI THU HUONG	4271xxxx8107	117,170
75	LE HOA MAI	4111xxxx7105	152,803
76	NGO QUANG THANH	4111xxxx0104	57,948
77	LE CONG BINH	4111xxxx5114	100,000
78	LUONG XUAN HUNG	4286xxxx5103	100,000
79	LE THI BINH	4286xxxx6121	50,471
80	TRINH HOAI AN	4111xxxx3101	60,165
81	NGUYEN THI NGOC	4111xxxx4102	59,618
82	KHONG THI NGOC HUYEN	4286xxxx6127	57,867
83	NGUYEN MANH LINH	4111xxxx7101	54,874
84	HOANG THI BAY	4286xxxx2101	97,220
85	NGUYEN HO DIEM LINH	5305xxxx0100	185,573
86	DO THI THU HA	4286xxxx9102	51,815
87	TRAN CONG MINH	4271xxxx6107	115,181
88	DANG BA PHUONG UYEN	4286xxxx0107	50,009

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
89	DANG THANH DAN	4111xxxx1107	59,948
90	TRAN XUAN THANG	4111xxxx8101	61,759
91	NGUYEN DIEU LINH	4271xxxx1209	138,117
92	NGUYEN THI THANH HA	4111xxxx1100	72,393
93	NGUYEN HUU NGUYEN	4111xxxx5105	65,663
94	MAI THI TRUC GIANG	4111xxxx2127	162,454
95	TU THI NGOC LAN	4286xxxx7110	100,000
96	NGUYEN NGOC QUAN	4111xxxx7103	168,172
97	NGUYEN THI LIEU	4111xxxx4103	63,377
98	TRAN THU HA	4286xxxx0102	139,675
99	PHAM PHUONG HUY	4111xxxx5201	100,000
100	PHAM THI MY HANG	4111xxxx2107	77,189
101	NGUYENTHITHANHTUYEN	4111xxxx2103	56,004
102	TRINH TRUNG DUNG	4111xxxx6104	69,670
103	PHAM VAN PHUNG	4111xxxx5102	80,565
104	NGUYEN THI PHUONG LAN	4111xxxx8101	100,000
105	DO THI NGOC MY	4111xxxx1106	95,338
106	LE THUY HONG VAN	4111xxxx4108	71,615
107	HUYNH THI THU THUY	4286xxxx9100	77,494
108	KIEU PHUONG	4111xxxx6101	124,873
109	NGUYEN MANH HUAN	4271xxxx3104	121,877
110	DAO ANH TUAN	4111xxxx8105	200,000
111	NGO THI LE HUONG	4111xxxx4116	50,765
112	LE MINH HANG	4111xxxx2103	55,598
113	NGUYEN THANH QUANG	4111xxxx5103	64,235
114	TRAN VIET HUNG	4271xxxx9104	200,000
115	NGUYEN HOANG PHONG	4111xxxx7108	106,235
116	DO THI NGOC ANH	4271xxxx3105	205,691
117	TRINH VAN GIANG	5305xxxx0101	379,074
118	DINH THI PHUONG THUY	4286xxxx2105	100,000
119	PHAM THI KIM NGAN	4286xxxx5106	55,100
120	NGUYEN PHUONG THAO	4111xxxx5101	100,000
121	NGUYEN VAN ANH	4286xxxx1103	65,340
122	TRAN THI MY TRUC	4111xxxx8106	198,588
123	NGUYEN THI THANH VAN	4271xxxx7104	100,046
124	TRAN THI NGOC YEN	4286xxxx5122	62,475
125	MAI KIEU TRINH	4271xxxx2119	136,412
126	DO THI CHAM	4111xxxx0112	65,790
127	PHAM THI MINH HOA	4111xxxx0105	100,000
128	NGUYEN THI LAM	4286xxxx5129	57,061
129	VU VAN TUAN	4111xxxx4101	60,035
130	DANG THI NGOC HOA	4111xxxx9102	374,255
131	LE THI THUAN	4286xxxx5103	74,541
132	VU THI NHI LUONG	5305xxxx1100	200,000
133	NGO THANH HUONG	4111xxxx5104	100,000

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
134	LE THI VINH LINH	4286xxxx3120	460,812
135	LE DINH MINH THY	5305xxxx2108	115,916
136	TRAN THANH VINH	4286xxxx4107	88,300
137	NGUYEN THI HOA	4111xxxx2116	69,815
138	VU DINH THANG	4111xxxx1101	84,760
139	NGUYEN GIANG NGUYEN	4111xxxx8104	187,470
140	VU THI HUONG GIANG	4111xxxx7106	63,385
141	VO THI HOANG ANH	4271xxxx4107	104,956
142	HO THI THANH HOA	4111xxxx8105	98,199
143	NGUYEN THI VUI	4111xxxx3111	55,852
144	NGUYEN BA DO	4286xxxx1104	100,000
145	LE THI MAI THOA	4111xxxx1107	100,000
146	NGUYEN THI THO	4111xxxx7105	53,827
147	TRAN CHI QUANG	4111xxxx8102	100,000
148	TRAN THI THAO NGAN	4286xxxx2104	53,694
149	DOAN NGOC TIEN	4286xxxx8105	51,814
150	DO THI BICH THUY	4286xxxx0108	100,000
151	NGO TIEN SY	4271xxxx2101	243,250
152	NGUYEN THI HUYEN	4286xxxx1112	62,345
153	CAO VAN DAT	4286xxxx0207	56,485
154	LE VAN DUNG	4111xxxx8105	95,265
155	NGUYEN TRONG NGHIA	4286xxxx8101	61,947
156	NGUYEN THANH MY	4111xxxx8102	67,055
157	NGUYEN THI NGOC ANH	4111xxxx2100	68,200
158	MAC THI BICH CHAM	4286xxxx1112	74,766
159	NGUYEN THUY DUONG	4271xxxx5109	101,033
160	HUYNH THI KIM TUYEN	4286xxxx8103	53,941
161	HA TRUNG HIEU	4111xxxx6102	79,352
162	NGUYEN HOANG MINH THU	4286xxxx1100	61,062
163	NGUYEN TUYET DUNG	4286xxxx9108	159,618
164	NGUYEN THI NGUYET	4271xxxx9100	500,000
165	TRAN THU TRANG	4111xxxx9119	61,677
166	PHI NGOC KHANH	4271xxxx7107	156,944
167	TRAN VAN CHI	4111xxxx6103	56,915
168	NGUYEN THI MINH CHAU	4111xxxx4125	73,230
169	LE THI HANH	4111xxxx2108	53,897
170	VO QUOC KHANH	4111xxxx4105	67,309
171	NGUYEN THI NGOC ANH	4271xxxx4109	130,451
172	TO THI THANH HUONG	4111xxxx3104	88,870
173	PHAM THANH LAM	4286xxxx2101	146,724
174	LE QUY THUA	4111xxxx7109	100,000
175	PHAM DUC LAM	4111xxxx3101	162,917
176	NGUYEN VAN THU	4286xxxx2105	52,783
177	NGUYEN DUC BAO	4111xxxx1110	100,000
178	TRINH THI MAI	4111xxxx2107	65,855

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
179	PHAM THI TUYET	4286xxxx6106	56,942
180	NGUYEN PHU THU	4111xxxx9104	79,063
181	NGUYEN THANH QUY	4286xxxx7109	100,000
182	PHAN THI LAN HUONG	4271xxxx3108	220,050
183	PHAM THI NGOC HA	4111xxxx2125	54,322
184	NGUYEN LAI THANH	4111xxxx1103	63,066
185	NGO HANH	4286xxxx5103	57,085
186	PHAN BUI KHOI	4111xxxx5118	78,088
187	LE NGUYEN NU HOAI LE	4111xxxx8308	100,000
188	NGUYEN DUC HIEP	4286xxxx5105	54,405
189	DO THI VAN	4286xxxx0101	76,000
190	LE VAN YEN	4111xxxx9103	100,000
191	PHAM THI HUONG	4286xxxx4101	81,412
192	TRAN DUC	4111xxxx2103	121,333
193	NGUYEN T KHANH HUYEN	4111xxxx6106	53,000
194	DUONG NGOC TIEN	4286xxxx4106	62,723
195	PHAM THI THANH HA	4111xxxx8100	51,061
196	TRAN THI THANH DIEP	4111xxxx7103	100,000
197	NGUYEN TRI NHAN	4286xxxx9103	91,112
198	LE THI LAN HUONG	4271xxxx8201	165,147
199	TRAN DUY HUNG	4286xxxx2124	147,423
200	NGUYEN BICH HANG	4286xxxx1127	100,000
201	LUONG KHANH THIET	4111xxxx8100	55,641
202	LE NHU QUYNH	4286xxxx4105	82,549
203	HOANG LE KHOA	4111xxxx5104	55,050
204	TRAN MAI PHUONG	4111xxxx9107	162,961
205	NGUYEN CHI MAI	4286xxxx4107	51,287
206	NGUYEN TRUNG DUNG	4111xxxx8109	100,000
207	DINH DANG LAP	4111xxxx0107	74,134
208	CHU THI THANH NGA	4286xxxx5116	96,646
209	TRAN GIA NGUYEN THY	4286xxxx2112	55,808
210	PHAN QUANG HUY	4286xxxx0113	93,558
211	VO THI THAI BINH	4286xxxx2108	100,000
212	HOANG THI NGO	4286xxxx7101	56,977
213	VUONG QUOC HIEU	4111xxxx5114	67,238
214	NGO THI TO LOAN	4286xxxx6104	71,069
215	TRAN THI AI THI	4286xxxx4109	70,833
216	HO THI THUY NGA	4111xxxx7106	100,000
217	BUI GIANG NAM	4111xxxx6108	82,156
218	PHAM THI KIM PHUNG	4286xxxx8101	88,777
219	VU THI QUYNH HOA	4286xxxx6103	96,205
220	VU THI MINH NGHIA	4286xxxx9109	120,246
221	VU THI HAI YEN	4271xxxx3108	136,613
222	NGUYEN PHUONG NAM	4286xxxx7108	100,000
223	HO MINH HUONG	4111xxxx5112	51,117

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
224	NGUYEN THI HONG VAN	4286xxxx1120	76,665
225	NGUYEN XUAN VIET	4271xxxx0109	395,460
226	NGUYEN DUC CHI	4286xxxx4115	91,736
227	PHAM THI NHU THUY	4286xxxx5107	59,560
228	PHAM THI PHUONG ANH	4286xxxx7100	68,035
229	NGUYEN THI THANH VAN	4111xxxx3112	76,916
230	LE THU PHUONG	4286xxxx6118	66,884
231	NGUYEN VAN TRINH	4111xxxx7105	83,300
232	NGUYEN T THANH THUY	4286xxxx9102	57,744
233	NGUYEN XUAN KHOI	4286xxxx0108	63,865
234	DAO TRUC QUYNH	4286xxxx4109	78,250
235	DAM THI VIET ANH	4111xxxx5101	100,000
236	DO THI KIM THOA	4286xxxx1107	100,000
237	TRAN THI KIM HUE	4111xxxx9108	80,929
238	NGUYEN THI THANH HIEN	4111xxxx6105	50,426
239	NGUYEN THI LAN	4286xxxx1105	100,000
240	NGUYEN THANH SANG	4286xxxx7104	59,566
241	LAI THI BICH	4111xxxx2103	74,725
242	BUI THANH TUYEN	4286xxxx2118	51,646
243	BUI LE THU	4286xxxx3108	67,277
244	NGUYEN T NGUYET TRANG	4286xxxx5116	98,575
245	LE THI NGOC ANH	4286xxxx2103	55,260
246	NGUYEN THI THUY MAI	5305xxxx4102	129,975
247	NGUYEN THI THU HIEN	4286xxxx5109	165,498
248	PHAM XUAN ANH	4111xxxx1105	100,000
249	NGUYEN THI HA	5305xxxx6112	144,478
250	TRAN THI TUONG VY	4271xxxx7209	200,000
251	TRINH N HA PHUONG	4286xxxx0116	70,045
252	TO ANH TUAN	4111xxxx1101	185,000
253	TRAN THI HOANG ANH	4111xxxx9106	500,000
254	NGUYEN THI TUONG VI	4286xxxx0100	321,904
255	NGUYEN TUAN LONG	4111xxxx0209	53,995
256	NGUYEN THI CHUNG	4111xxxx6108	139,825
257	CHAU LY ANH QUAN	4286xxxx0109	462,385
258	CHUNG THI PHUOC LOC	4286xxxx5105	100,000
259	DOAN THI THUY TRANG	4286xxxx6116	133,825
260	LE ANH MINH TRANG	4286xxxx2114	71,785
261	PHAM VU THUC	4271xxxx7114	200,000
262	TONG NHAT MINH	4286xxxx5106	80,195
263	NGUYEN MINH DUC	4271xxxx5108	200,000
264	LE VIET CHUNG	4111xxxx9108	62,886
265	KIM TUAN HUNG	4271xxxx4101	159,431
266	TRAN KHANH TRANG	4286xxxx5109	134,395
267	KANG CHIA JUNG	4111xxxx3206	100,000
268	NGUYEN NGOC TU	4286xxxx0110	68,546

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
269	LE THI THU HUONG	4111xxxx4100	52,483
270	NGUYEN THI THUY	4111xxxx0102	78,357
271	BUI THI NGOC ANH	4286xxxx4108	135,560
272	TRUONG THI MY VAN	4286xxxx9106	82,600
273	PHAM DUC HUY	4111xxxx6112	192,466
274	NGUYEN THANH SON	4271xxxx6100	113,830
275	NGUYEN THI THU HIEN	4111xxxx4116	96,064
276	NGUYEN DUC TRUYEN	4111xxxx0109	61,104
277	TRAN THI NHU PHUONG	5305xxxx7108	100,300
278	NGUYEN THI HUE	4111xxxx7105	72,100
279	TRAN THI HONG VAN	4286xxxx0101	74,322
280	TRAN NGOC QUYEN	4111xxxx4127	100,000
281	NGUYEN PHUONG TUNG	4286xxxx7111	54,248
282	TRAN THI THUY NGAN	4111xxxx6109	55,510
283	DANG HONG YEN	4286xxxx5105	57,596
284	NGUYEN THI NGOC DIEP	4111xxxx1101	138,795
285	NGUYEN THI MY HANH	4111xxxx1200	144,003
286	PHAM MINH HUNG	4286xxxx5106	72,118
287	KIM THANH NAM	4271xxxx1104	125,665
288	NGUYEN NGOC HAY	4111xxxx2105	52,975
289	NGUYEN THI KIM DUNG	4271xxxx9100	123,108
290	TRAN BA TAI	4286xxxx9114	58,024
291	NGUYEN THI TRANG LINH	4111xxxx3109	61,215
292	DINH THI THANH THUYEN	5305xxxx1106	200,000
293	NGUYEN THI HUONG	4286xxxx6108	92,723
294	NGUYEN THI HOAN	4271xxxx2105	200,000
295	TRAN THI BINH MINH	4111xxxx4111	500,000
296	DANG THI THU LOAN	4286xxxx9107	68,247
297	VU THI THU HIEN	4111xxxx1104	79,451
298	NGUYEN THI THUY VAN	4111xxxx9106	72,581
299	DAU TRONG HIEN	4111xxxx3117	55,549
300	TRAN THANH HOA	4271xxxx0103	109,037
301	LAM THI HONG CHI	4286xxxx6101	65,323
302	NGUYEN THI NGOC TU	4111xxxx5105	52,135
303	NGUYEN ANH TUAN	4286xxxx6104	51,365
304	LE NHU TU	4286xxxx9100	58,645
305	NGUYEN THI HAU	4111xxxx7107	57,620
306	DAO THI DIEU	4286xxxx5108	100,000
307	HOANG THI KIM NGAN	4111xxxx0110	50,698
308	DO DUC HUNG	4111xxxx4105	200,000
309	PHAM TRONG TIEN	4286xxxx6104	60,573
310	NGUYEN XUAN TOAN	5305xxxx8105	166,510
311	VO TUAN ANH	4286xxxx4109	124,931
312	VU TRINH DIEM HONG	4286xxxx1109	83,189
313	NGUYEN THI BICH HONG	4286xxxx7107	56,790

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
314	HOANG VAN HOA	4111xxxx0105	72,241
315	TRAN THUY KIEU	4286xxxx2108	56,753
316	PHAM THI HONG GAM	4286xxxx0116	55,962
317	DO VIET DAI	4286xxxx6108	53,261
318	PHAM THI HANG	4286xxxx1129	70,165
319	NGUYEN MY LINH	4286xxxx0107	158,312
320	DO THE TUAN	4286xxxx9104	69,965
321	TRUONG THI TAM	4111xxxx6103	51,221
322	TRAN HOAI NAM	4111xxxx0101	51,830
323	TRAN THI HUONG	4286xxxx4109	55,659
324	PHAN THUY KIEU	4286xxxx7100	100,000
325	BUI XUAN HOA	4111xxxx5103	100,000
326	NGUYEN THE ANH	4111xxxx9103	83,284
327	VU THI THU HIEN	4286xxxx7104	51,402
328	DO THI MAI HUYEN	4286xxxx0116	60,735
329	THAN THI THU HANG	4111xxxx4105	212,049
330	NGUYEN NHAT KIEN	4111xxxx2105	50,000
331	VU THI HUONG LAN	4286xxxx6102	100,000
332	VU HOANG LONG	4111xxxx1104	67,527
333	NGUYEN THE HUAN	4286xxxx9114	100,000
334	TRAN THI BICH THAO	4111xxxx6109	100,000
335	DINH THI XUAN HUONG	4111xxxx5102	87,390
336	TRINH THU HIEN	4111xxxx4100	50,910
337	BUI VAN QUYEN	4286xxxx5103	78,149
338	HAN THI LOAN	4286xxxx8101	56,745
339	CAO NGOC THANH	4111xxxx5114	100,000
340	NGUYEN THI DIEU TRANG	4286xxxx7100	53,602
341	DANG DUC DIEM	4286xxxx0107	70,435
342	DAO NGOC MY TOAN	4111xxxx2107	57,003
343	LE HUNG	4286xxxx0102	52,730
344	NGUYEN PHAN T GIANG	4286xxxx4102	50,345
345	NGUYEN MANH TIEN	4111xxxx6114	133,717
346	NGUYEN NGOC TU	4286xxxx0105	100,000
347	THAI HUONG THO	4271xxxx8105	154,218
348	NGUYEN THI HUONG	5151xxxx3109	54,954
349	HOANG THI BICH VAN	4286xxxx5109	135,094
350	NGUYEN THI HOA	4286xxxx6129	100,000
351	VU THI NGOC QUYNH	4111xxxx6114	50,150
352	NGUYEN THI HOANG MAI	5305xxxx9102	200,000
353	PHAM DINH VAN	4271xxxx2108	107,614
354	HOANG VAN LUONG	4111xxxx4105	56,045
355	PHAM HOANG DUONG	4271xxxx3107	342,581
356	HA THI THANH BINH	4286xxxx8109	52,741
357	NGUYEN DOAN TUY SON	4111xxxx0100	80,896
358	NGUYEN BICH CHAU	4111xxxx6105	100,000

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
359	TRAN LE HA THU	4286xxxx8202	100,000
360	VU DINH TRUONG	4286xxxx9107	100,000
361	NGUYEN THI HOAI	4111xxxx3100	60,222
362	NGUYEN TRUONG SON	4111xxxx7107	100,000
363	TRUONG THI LE THUONG	4286xxxx4106	100,000
364	NGUYEN BA DUC	5305xxxx7104	189,389
365	NGUYEN DANG TUE	4111xxxx1109	50,325
366	DAO VAN THANG	4286xxxx7103	55,492
367	LE MINH CHAU	4286xxxx6102	52,005
368	LE QUANG BINH	4111xxxx7101	59,460
369	PHAM THI PHUONG	4111xxxx3100	100,000
370	HOANG VIET THANH	4286xxxx6100	130,195
371	NGUYEN MINH LUAN	4111xxxx6104	100,000
372	TRUONG CONGQUANG NHAT	4111xxxx2202	234,989
373	NGUYEN VAN LONG	4286xxxx9101	52,099
374	CU PHUONG NAM	4111xxxx0102	59,920
375	HOANG THI THU HUYEN	4111xxxx1104	200,000
376	NGUYEN THI LANH	4286xxxx2108	54,120
377	PHAM THI PHUONG	4111xxxx7108	100,000
378	TA THI THU HANH	4286xxxx6101	83,455
379	LUU THI HOP	5305xxxx4109	142,242
380	PHAN LU PHUNG TIEN	4286xxxx6108	52,137
381	NGUYEN THANH TRA	4286xxxx6105	75,000
382	BE THI THU VAN	4111xxxx9103	57,700
383	THAN NHU HA	5305xxxx6108	200,000
384	NGUYENTHITHANHTUYEN	4286xxxx1101	52,863
385	BUI QUOC CHI	4271xxxx2117	164,662
386	NGUYEN DUC THINH	4111xxxx0108	51,104
387	LE THI HANG	4111xxxx0104	59,240
388	NGUYEN DINH ANH	4111xxxx3101	57,960
389	VU HUY PHONG	4111xxxx9101	58,574
390	NGUYEN QUOC CUONG	4286xxxx4104	57,482
391	DINH THI THANH HUYEN	4271xxxx6101	165,940
392	NGUYEN VIET ANH	4286xxxx7105	52,976
393	LE THI BICH	4111xxxx4106	50,186
394	BUI THI HUYEN NGAN	4111xxxx3206	131,475
395	MY TRUNG TIN	4111xxxx2204	60,230
396	NGUYEN MANH CHIEN	4111xxxx1101	95,040
397	HUYNH VAN HOA	4111xxxx6109	58,645
398	TRAN THI PHUONG LE	4111xxxx4104	58,046
399	NGUYEN THU PHUONG	5305xxxx4107	128,500
400	NGUYEN NGOC THIN	4286xxxx0107	61,485
401	PHAM HOANG THUY	4286xxxx7105	86,206
402	TRAN DUY LINH	4111xxxx7103	57,226
403	TRAN THI PHUONG THAO	4271xxxx0105	193,558

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
404	PHAM THANH BINH	4286xxxx9106	52,642
405	VU DINH KHUONG	4271xxxx8104	165,710
406	TRAN TUAN ANH	4111xxxx8108	63,545
407	NGO DUY TRUNG	4111xxxx0107	100,000
408	TRINH THI YEN NHI	4111xxxx4107	96,995
409	NGUYEN THI HI BENH	4286xxxx9106	67,458
410	NGUYEN THI NGOC TUYET	4111xxxx8100	84,706
411	NGUYEN THI BICH CHI	4286xxxx2104	100,000
412	PHAM KIM ANH	4271xxxx8117	114,797
413	NGUYEN T PHUONG TRANG	5305xxxx7102	104,104
414	NGO CHI THUAN	4286xxxx6111	74,758
415	MAI THE NHAT QUYNH	4111xxxx9106	100,000
416	DOAN MY HANH	4111xxxx4104	76,330
417	TRAN QUOC TU KIEU	4111xxxx0104	82,825
418	TRAN THANH DAT	4111xxxx5109	53,355
419	NGUYEN VAN QUYET	4286xxxx3105	57,765
420	BUI THI OANH	4111xxxx0107	59,075
421	NGUYEN NGOC HIEU	4111xxxx0104	52,813
422	DINH XUAN THANG	4286xxxx4107	367,793
423	NGUYEN HUY THANH	4111xxxx0107	100,000
424	TRAN THI PHUONG	4271xxxx4104	100,970
425	PHAM NGOC TUAN	4111xxxx8100	171,231
426	NGUYEN THI CAM TU	5151xxxx3108	85,760
427	LUONG QUOC VIET	4271xxxx5106	133,690
428	HOANG THI KIM THOA	4286xxxx3101	53,575
429	KHUAT VIET PHUONG	4286xxxx2108	71,335
430	TRAN THI NGUYET	4111xxxx1109	57,207
431	NGUYEN TRUNG THUC	4286xxxx5108	67,816
432	NGUYEN MINH LAN	4286xxxx3107	51,093
433	TRAN THI DUNG	4111xxxx7102	67,722
434	NGUYEN DUY BAO KHUYEN	4286xxxx5106	54,036
435	NGUYEN THAI NGOC	4286xxxx8106	65,099
436	LE CHI TRUNG	4286xxxx8105	200,000
437	LE DUC KHANH	4111xxxx0119	76,389
438	NGUYEN THANH CAN	5151xxxx5108	50,712
439	DANG THE PHONG	4111xxxx5104	100,000
440	NGUYEN THI TAM	4286xxxx5106	59,776
441	DINH THI TO NU	4111xxxx5102	193,987
442	VU THI HUONG NGAT	4286xxxx8101	100,000
443	MA LE HUY PHAT	4286xxxx5108	121,094
444	TAO BICH THAO	4111xxxx4108	100,000
445	BUI THI NHUNG	4286xxxx6100	100,000
446	PHAN MINH TAM	4111xxxx8107	145,810
447	TRUONG DINH KHEN	4286xxxx9103	59,715
448	TO THI NHUNG	4286xxxx7103	64,205

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
449	LE THI THU DONG	4286xxxx8101	66,502
450	VU THI NGOC ANH	4286xxxx2106	70,100
451	HO NGOC SON	4286xxxx4104	67,643
452	NGUYEN HOANG TU	4286xxxx2109	54,379
453	PHAM THI LAN ANH	4286xxxx2103	53,946
454	GIANG VAN TUAN	4111xxxx4106	500,000
455	NGUYEN TIEN HAI	4286xxxx3107	58,842
456	NGUYEN MANH LONG	4271xxxx4103	200,000
457	BANH THI THU HUONG	4111xxxx2101	100,000
458	PHAN THANH TUNG	4286xxxx8108	68,951
459	NGUYEN VAN ANH	4111xxxx3105	50,946
460	TRAN THI MINH QUE	5305xxxx4105	136,784
461	HOANG THU THUY	5305xxxx9103	500,000
462	QUACH TIEN QUAN	4111xxxx5106	65,164
463	HOANG VAN TOAN	4111xxxx7106	174,321
464	NGUYEN THI LAN ANH	4286xxxx7107	52,016
465	NGUYEN QUANG VINH	5305xxxx5109	128,606
466	TRAN TUAN HOANG	4271xxxx3125	115,160
467	PHAN CAM TU	4286xxxx3102	87,014
468	DINH SY HUNG	4111xxxx1108	67,775
469	BACH HOANG TRI	4286xxxx0100	61,820
470	NGUYEN VAN KIEN	4111xxxx5101	65,535
471	DUONG THI MINH CHAU	4111xxxx2101	57,494
472	TRAN CONG CHINH	4271xxxx8107	135,131
473	LE HUY QUANG	4286xxxx8108	68,843
474	TRUONG THANH HAI	4111xxxx4109	87,651
475	NGUYEN VAN TRUNG	4111xxxx0109	65,865
476	TRAN THI THU HIEN	4111xxxx4107	51,317
477	NGUYEN THI VAN	4286xxxx2101	100,000
478	PHAM THI PHUOC HOA	4111xxxx2201	100,000
479	LE THI BICH THUY	4286xxxx2104	200,000
480	NGUYEN VAN THANG	4111xxxx0101	51,151
481	PHAN THI HA	4111xxxx6105	54,236
482	LE THI MINH PHUONG	4286xxxx1103	242,056
483	CAO THI PHUONG	4111xxxx6104	76,065
484	TRINH QUOC KHANH	4286xxxx3100	57,435
485	NGUYEN XUAN BAC	4111xxxx1106	51,987
486	NGUYEN TAT NGA	4111xxxx1109	58,078
487	HOANG PHUONG MAI	4111xxxx7102	236,046
488	HO THI THU THAO	4286xxxx9105	89,382
489	BUI XUAN BINH	4286xxxx2100	79,752
490	DO THI PHUONG THAO	4286xxxx8104	52,495
491	TANG THI QUYNH MAI	4286xxxx3108	100,000
492	HUYNH THI VAN	4286xxxx0109	56,187
493	BUI THI HOA	4111xxxx3106	65,092

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
494	NGUYEN THI THU TRANG	4111xxxx0108	52,028
495	NGUYEN HUU DUYEN	4286xxxx2101	86,494
496	NGUYEN KIEN TRUNG	4111xxxx7101	50,120
497	LE THI HAI NINH	4271xxxx8108	200,000
498	HA THI BICH HANG	4111xxxx3104	173,704
499	DOAN NGOC THUY TIEN	4111xxxx2106	66,103
500	LA THI MAI ANH	4111xxxx2102	55,598
501	NGUYEN THI ANH NGUYET	4271xxxx0102	100,408
502	CAO VAN DUONG	4111xxxx9101	55,030
503	NGUYEN THI VAN	4286xxxx4105	52,018
504	TO THI THU TRANG	4111xxxx6105	56,319
505	NGUYEN VAN LUC	4286xxxx2107	70,895
506	PHAM TRUNG DUNG	4111xxxx8106	85,148
507	DO THI HAI YEN	4111xxxx8104	58,515
508	POBLETE PHAM ARTUROJR	4111xxxx0100	68,993
509	DANG VAN THANG	4286xxxx1109	100,000
510	PHAN THE TUAN	4111xxxx2107	151,821
511	TRAN VAN HOAN	5305xxxx7105	188,651
512	NGUYEN MINH HAU	4111xxxx9105	126,838
513	NGUYEN THI HUONG	5305xxxx6102	116,254
514	VU DUY DU	4111xxxx7104	92,877
515	JEON KYUNAM	4111xxxx1108	188,367
516	PHAM VAN PHONG	4111xxxx5106	62,045
517	NGUYEN NGOC SON	4111xxxx9104	93,234
518	HAN CHANG HEE	4271xxxx9106	105,370
519	PHAN DANG NHA	4111xxxx2109	70,177
520	TRAN THI CHAN	4111xxxx5104	64,190
521	NGUYEN BICH CONG DUNG	4111xxxx1108	67,821
522	LE THANH HAI	4286xxxx0106	78,725
523	PHAM THI HONG THUY	4271xxxx0104	135,952
524	LA VAN DONG	4111xxxx4106	53,770
525	NGUYEN THANH DO	4286xxxx4108	187,050
526	VU THI SAM	4286xxxx0100	64,817
527	LE HOANG THANG	4111xxxx1107	63,230
528	NGUYEN HOANG OANH	4286xxxx6103	77,548
529	LE HONG DUONG	4286xxxx5105	65,935
530	NGUYEN THI NGAN	4111xxxx3109	100,000
531	PHAM VAN THANG	4286xxxx2106	77,815
532	HUYNH THI MAI ANH	4111xxxx8101	54,450
533	NGUYEN THI THU HA	4286xxxx8106	94,882
534	DAO THI MAI PHUONG	4271xxxx0106	201,794
535	PHAM VAN TUU	4111xxxx1102	121,515
536	NGUYEN THI MY LE	4111xxxx7100	69,199
537	NGUYEN HONG NAM	4271xxxx4109	200,000
538	DANG THI HANG	4286xxxx9100	88,353

STT	Tên chủ thẻ	Số thẻ	Số tiền thưởng
539	NGUYEN THI HUONG TRA	4286xxxx3103	66,416
540	NGUYEN THI THANH THAO	4111xxxx5100	62,644
541	NGUYENTHITHAONGUYEN	4111xxxx8104	95,070
542	NGUYEN NGOC THUY	4286xxxx4107	74,036
543	NGUYEN DUC PHUC	4111xxxx6101	62,430
544	LAM DANG HANH	4286xxxx6105	73,515
545	LY THI HOAI ANH	4271xxxx0105	151,200
546	HUYNH THI HOA	4111xxxx2105	76,342
547	NGUYEN THI BICH LIEN	4286xxxx1109	65,381
548	VO THI TUYET SUONG	4286xxxx5107	52,955
549	DINH NGUYEN THIEN THU	4111xxxx8104	100,000
550	TRAN THI CHANG	4286xxxx8102	51,295
551	LE QUANG HUNG	4111xxxx9106	51,920
552	PHAM VIET TIEN	4111xxxx2107	100,000
553	LE THUY HUONG	4286xxxx5109	72,486
554	PHAN BA DUONG	4271xxxx5109	105,260
555	NGUYEN THI THU HANG	4111xxxx4107	67,609
556	VU NGUYEN THIEN TRANG	4111xxxx8106	65,465
557	NGUYEN THANH TUNG	4111xxxx4104	168,667
558	NGUYEN T THANH HUYEN	4271xxxx5100	200,000
559	HOANG THI THU HUYEN	4111xxxx8101	65,948
560	PHAN MANH CUONG	4271xxxx2100	132,480
561	TO THI VIET NHAN	4111xxxx8102	74,971
562	NGUYEN VAN HANH	4111xxxx8103	90,010
563	VU THI THUY	4111xxxx5104	72,140
564	TRAN THI HONG NGAN	4286xxxx9101	53,469
565	NGUYEN THANH NHAN	4286xxxx9103	69,630
566	LE THI LOAN	4111xxxx0105	100,000
567	LE VAN BAY	4111xxxx3114	67,115
568	PHAM THI HUYEN	4111xxxx6103	76,640
569	DONG THI HUYEN TRANG	4111xxxx3107	66,113
570	NGUYEN THANH TRUNG	4111xxxx6107	50,720
571	NGUYEN TAT THANH	4111xxxx6517	50,000
572	DINH TIEN SON	5305xxxx2105	166,768
573	VU VAN KHANH	4286xxxx6101	46,209